

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20/12/2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Luận
2. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Huyền Tr, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp M2, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp M2, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL

(Chị Lê Huyền Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Huyền Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đã được UBND xã VPĐ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày

12/10/2015. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa chị Tr và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị Tr nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn T

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016. Hiện nay cháu Tr1 đang chung sống với gia đình bên anh T, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh T đồng ý là hôn nhân giữa anh và chị Lê Huyền Tr là tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày. Việc chị Tr yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- *Về con chung*: Thông nhất có 01 người con chung là cháu Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016. Hiện nay cháu Tr1 đang sống với gia đình anh T. Anh T không đồng ý việc chị Tr yêu cầu trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh T đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Tr1, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự về việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huyền Tr và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, cho chị Tr ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn chị Tr có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- + Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.
- + Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu
- + Về án phí: Chị Lê Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Lê Huyền Tr có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn T, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện PL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL. Anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Tr, anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Huyền Tr và anh Phạm Văn T sống chung từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh T là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị Tr, anh T xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng chị Tr và anh T đã sống ly thân nhau. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Lê Huyền Tr và anh Phạm Văn T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr cho chị Tr ly hôn với anh T

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016, hiện nay cháu Tr1 đang sống chung với gia đình anh T, khi ly hôn anh chị Tr và anh T đều có yêu cầu được nuôi cháu Tr1. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Tr và anh T thấy rằng

Về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Hiện nay anh T làm phụ hồ, thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng, chị Tr làm công nhân công ty nhựa Tý Liên thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, ngoài ra thì gia đình chị Tr còn hỗ trợ thêm cho chị Tr. Như vậy, cho thấy anh T và chị Tr cả hai đều có công việc tạo ra thu nhập, có điều kiện về kinh tế để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng

con chung được tốt. Tuy nhiên, thì từ khi sinh ra thì cháu Tr1 sống chung với vợ chồng anh chị, khi vợ chồng anh chị ly thân không còn sống chung với nhau lúc ban đầu thì chị Tr vẫn mang con theo để trực tiếp chăm sóc, hiện nay do anh T bắt cháu về nuôi nên chị Tr không còn trực tiếp chăm sóc con. Do cháu Tr1 là nữ giới nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý sau này cũng như ổn định cuộc sống cho cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016 cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

[5] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng, chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về vấn đề hôn nhân, tài sản chung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về đề nghị của Viện kiểm sát giao con chung cho anh Phạm Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, như đã phân tích ở trên việc giao cháu Tr1 cho chị Tr là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, nhất là con chung là nữ giới. Do đó, về vấn đề con chung Hội đồng không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huyền Tr, cho chị Lê Huyền Tr ly hôn với anh Phạm Văn T

- *Về con chung*: Buộc anh Phạm Văn T giao cháu Phạm Thị Bảo Tr1, sinh ngày 27/02/2016 cho chị Lê Huyền Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh T có, quyền và nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Chị Lê Huyền Tr chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Tr đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005410 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã VPĐ;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm